

GIỚI THIỆU KHÁI LƯỢC VĂN BẢN NÔM
KINH NHỮNG LỄ MÙA PHỤC SINH CỦA JERONIMO MAIORICA
ThS. Nguyễn Văn Ngoạn

Văn bản *Kinh những Lễ Mùa Phục sinh (KNLMPS)* là một trong số các tác phẩm được Jeronimo Maiorica biên soạn hay biên dịch từ tiếng Âu Châu sang tiếng Việt vào khoảng cuối thế kỷ XVII, và được ghi bằng chữ Nôm. Văn bản, hiện đang được lưu giữ ở Thư viện Quốc gia Pháp với cách xếp cũ đánh số Fourmont 373, cách xếp mới đánh số B7 ký tên Antôn, một người thuộc làng Trung Hà, Thanh Hóa¹. Văn bản được Đức cha Nguyễn Sơn Lâm Giáo phận Thanh Hóa chụp từ bản gốc ở Thư viện Quốc gia Pháp mang về giao cho nhóm học giả Thanh Lãng-Vũ Văn Kính-Nguyễn Hưng bằng file ảnh, được nhóm phiên âm toàn bộ văn bản, và cho in (dưới dạng lưu hành nội bộ) vào tháng 2 năm 2003. Vì những lý do đặc biệt, chúng tôi chưa có điều kiện để được tiếp xúc với văn bản gốc ở Thư viện Quốc gia Pháp. Trong bài viết, tác giả chỉ có thể tìm hiểu dựa vào văn bản do nhóm học giả Thanh Lãng- Vũ Văn Kính- Nguyễn Hưng giới thiệu.

1. Về hình thức văn bản KNLMP

Khảo cứu văn bản này, được biết văn bản có tựa đề *Kinh những lễ mùa phục sinh* 經仍禮務服生, được trình bày bằng 2 thứ chữ: chữ Quốc ngữ hiện đại và bản chụp nguyên văn chữ Nôm. Phần quốc ngữ: không ghi tên người phiên âm chú giải, chỉ có lời giới thiệu sơ lược về bố cục của văn bản: “Nội dung cuốn sách này, giống như nội dung phần nhiều các sách Nôm, không phân ra đoạn, tiết điều...Những ký hiệu phân câu, cú cũng không có luôn. Các sách Hán Việt đã sử dụng những hư từ giả đã...để biểu thị việc đó”. Do tài liệu lưu hành nội bộ nên cũng không ghi nơi xuất bản. Bìa sách ghi tên tác giả Jeronymo Mayoriaca S.J, cuối bìa đề dòng chữ “lưu hành nội bộ”. Khổ sách 15 cm x 20cm, được đóng bằng chỉ theo từng tay sách, sách chia làm hai phần: phần đầu là bản phiên âm và chú thích bằng tiếng Việt hiện đại gồm tổng cộng 126 trang; phần sau là bản chụp văn bản chữ Nôm gồm 110 trang. Phần chụp nguyên bản chữ Nôm không cho biết thông tin về người biên soạn, chỉ có thông tin về tên Thánh và quê quán của người viết chữ Nôm.

Trong toàn bộ văn bản, số trang được đánh từ trang 1 (trang bìa cứng) đến hết. Để tiện tìm hiểu tác giả xin chia sách làm 2 phần: **phần thứ nhất** gồm 10 trang bìa và trang lót đầu sách cùng phần phiên âm, chú thích chữ quốc ngữ, **phần thứ hai** gồm phần chữ Nôm và 10 trang bìa, trang lót cuối sách. Xin được khảo cứu khái lược như sau:

¹. Thanh Lãng, *Những chặng đường của chữ Quốc ngữ*, Sđd, trg 10-11.

* **Phần thứ nhất** trang bìa cứng ngoài đầu sách màu trắng hồng, có kẻ khung với hoa văn màu đỏ; ở đầu trang ghi tên tác giả JEROYMO MAYORICA S.J bằng chữ in hoa màu xanh, tiếp đến là tên sách, được ghi bằng 2 thứ chữ: chữ quốc ngữ hiện đại và chữ Nôm ở trong khung màu đen, nền hồng đỏ nhạt; Tên sách ghi *KINH NHỮNG LỄ MÙA PHỤC SINH* được in chữ hoa, màu đỏ và “quyển thứ ba” in chữ thường với mực màu xanh ở phía bên trái của bìa sách, chữ Nôm 經仍禮務復生 in co chữ lớn hơn, còn 卷之三 được in với co chữ nhỏ hơn, đều in mực màu đỏ, cuối bìa ghi dòng chữ “lưu hành nội bộ, 2003” màu xanh. Sau trang bìa là 1 trang giấy trắng (trang bìa lót 1) chỉ ghi tên tác phẩm “Kinh những lễ mùa phục sinh”; Trang thứ ba cũng là một trang giấy trắng (trang bìa lót 2), ở đầu trang ghi tên tác giả GIÊONYMÔ MAYORICA S.J, ở giữa ghi tên tác phẩm *KINH NHỮNG LỄ MÙA PHỤC SINH* (quyển thứ ba), cuối trang ghi dòng chữ “lưu hành nội bộ” và “2/2003”. Tiếp đến (trang 4 đến trang 8) là các trang ghi lời giới thiệu. Trang 9 là trang ghi dòng chữ “BẢN QUỐC NGỮ”, trang 10 (tức là trang cuối của 10 trang bìa đầu sách) là trang trắng, để trống. Phần phiên âm nội dung của tác phẩm *KNLMPS* ở sách này được tính từ trang 11 đến trang 121, trang 122 là trang để trống, trang 123 -124, là các trang chú thích phần phiên âm. Số trang của sách được ghi ở giữa trên đầu mỗi trang sách. Tuy nhiên, riêng ở phần Quốc ngữ, để độc giả thuận tiện trong việc đối chiếu bản phiên (chữ Quốc ngữ) với bản gốc (chữ Nôm) Nhóm học giả đã đánh 2 số trang khác nhau: số trang chính (ghi trên đầu trang, và ở chính giữa), và số trang phụ (để trong ngoặc đơn, đầu trang phía bên phải là số trang của phần bản gốc chữ Nôm). Ở cuối trang 121, có hình cánh cửa nhánh hoa và hình chim bồ câu.

* **Phần thứ hai:** toàn bộ phần văn bản gốc bằng chữ Nôm (từ trang 126 đến trang 237), từ trang 239 đến trang 247 là các trang mục lục, cuối cùng là trang lót và trang bìa cuối sách. Trang 125 là trang giấy trắng có ghi dòng chữ “BẢN CHỮ NÔM”, trang 126, trang bỏ trống. Trang đầu bản chữ Nôm (tức trang 237) có ghi số hiệu “Fourm373” theo Hoàng Xuân Hãn khi khảo sát văn bản *Kinh những lễ mùa Phục sinh*, cho biết đây là số ký hiệu cũ của sách, ký hiệu mới là B7. Ở đầu trang này và trang 127 (tức là trang cuối của bản chữ Nôm), có đóng một dấu tròn đường kính 02cm, biên ngoài có ghi dòng chữ “Bibliothèque Nationale–Manuscrits”, ở giữa có chữ “R.F”. Nguyễn Thị Tú Mai khi khảo cứu về văn bản *Thiên chúa thánh giáo khai mông*, nhận định đây là dấu của Thư viện Quốc gia Pháp, kho bản thảo².

Qua khảo cứu phần văn bản chữ Nôm *KNLMPS*, tổng cộng có 110 trang viết tay, mỗi trang có khoảng từ 9 đến 12 dòng, mỗi dòng có độ 25 đến 29 chữ. Chữ có nhiều

² Nguyễn Thị Tú Mai, *Chữ Nôm và tiếng Việt thế kỷ XVII qua Thiên chúa Thánh giáo khai mông của Jeronimo Maiorica*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, H.2012.

kiểu viết, nhưng chủ yếu là lối viết đứng, tương đối dễ đọc, có đặc điểm là nét móc rất đậm và kéo dài, nhiều khi vượt ra khỏi cỡ dòng, xét tổng thể thì chữ viết cũng tương đối đều tay. Ở phần văn bản chữ Nôm của sách, người công bố đã đánh số trang liên tục, nối tiếp với số trang của bản Quốc ngữ ở trước. Đường viền lè trên phần chữ Nôm của các trang 189, 203, 206, 208, 210, 220 được xê dịch lên trên, nên số trang của các trang này bị mất hẳn; các trang như: 127, 152, 154, 180, 186, 188, 191, 199, 212, 214 đều bị khuyết một phần. Tác giả cho rằng để đảm bảo cho việc xuất bản công bố, nhóm Hán Nôm Công giáo đã ưu tiên lấy phần chữ Nôm cho đầy đủ, còn lè sách thì có thể bỏ bớt nên mới dẫn đến hiện tượng nêu trên. Những chỗ viết nhầm bỏ đi thì bên cạnh chữ bỏ đi có ghi 卜. Những chỗ có chữ lặp lại được ghi thêm một nét phẩy 丿 ở dưới. Những chỗ bỏ sung thường được viết bên lè phải ở vị trí cần bỏ sung, những chỗ nhầm lẫn vị trí 2 chữ liền nhau được báo hiệu đọc lộn trật tự bởi dấu móc hai đầu. Trong văn bản Nôm *KNLMPS*, cũng có hiện tượng viết nhầm chữ. Nghĩa là chữ Hán được viết đó không đóng vai trò gì (không phải là chữ mượn âm, mượn ý cũng chẳng phải là kiểu chữ sáng tạo) ví dụ: huông 況 trong *huông lộ 况路 là xác đức chi thu* (tr.232) được ghi là *chúc lộ 祝路*. Chúng tôi cho rằng: hiện tượng này, có lẽ người ghi chép đã nhớ nhầm hình thể chữ Hán nên khi mượn chữ Hán để ghi âm Nôm đã dẫn đến hiện tượng nhầm lẫn này.

2. Về tác giả, người chép và chữ Nôm trong *KNLMPS*

* Tác giả, người chép *KNLMPS*

Phiên âm, giới thiệu những văn bản Nôm Công giáo thế kỉ 17 là việc khó, đòi hỏi vừa phải biết chữ Nôm vừa phải hiểu rõ về giáo lí. Nhóm Hán Nôm Công giáo đã làm được việc này, đây là việc đáng quý, góp phần hữu ích cho nghiên cứu chữ Nôm và văn học Nôm Công giáo. Tuy nhiên, do mới chỉ dừng ở tài liệu lưu hành nội bộ, nên nhóm chưa cung cấp thông tin nơi xuất bản, năm xuất bản của bản phiên Quốc ngữ.

Như đã biết, các tác gia Hán Nôm của ta xưa chưa có ý thức về quyền tác giả. Đây là đặc điểm chung của các văn bản Hán Nôm nói chung, và các văn bản Nôm Công giáo cũng không nằm ngoài ngoại lệ đó. Tài liệu của các linh mục sử gia chỉ cho biết Maiorica có biên soạn các tác phẩm Nôm Công giáo, nhưng không cho biết đó là những văn bản cụ thể nào. Bởi vậy, khi đọc những tác phẩm Nôm của Maiorica, chúng ta luôn phải đặt nghi vấn là: cuốn sách này hay cuốn sách nọ có phải Ngài là tác giả không? Bản thân Ngài có hoàn toàn vừa soạn vừa chép cuốn sách không? Ngài chỉ soạn chứ không chép chẳng? Việc chép thành sách là việc của một nhân vật khác chẳng? Khi viết về cuộc đời sự nghiệp của Maiorica, các linh mục sử gia cho biết: trong mọi công việc, ông (Maiorica) luôn cố gắng tạo nhiều cơ hội để tiếp xúc với người bản xứ; và trong việc rao giảng tin mừng, ông luôn nỗ lực bằng nhiều hình thức, trong đó có hình thức trao đổi với các phụ tá và thầy giảng. Vậy có hai khả năng xảy

ra: ① Trong khi cha giảng đạo, có thầy giảng người Việt ngồi bên ghi lại toàn bộ lời giảng bằng chữ Nôm và ② Khi soạn bài giảng, sẵn có mối quan hệ mật thiết với người bản xứ, đã có 1 người thông thạo chữ Nôm ngồi bên cạnh viết lại.

Ai là người biên soạn, người chép bộ kinh quý giá này? Về vấn đề này, có 2 ý kiến sau: ① Theo Thanh Lãng³ mô tả, bản chụp ở Thư viện Quốc gia Pháp có ghi: “**Kính những lễ mùa Phục sinh**, cách xếp cũ đánh số Fourmont 373, cách xếp mới đánh số B7, ký tên Antôn, một người thuộc làng Trung Hà, Thanh Hóa”. ② Cuối văn bản Nôm *KNLMPS* có ghi: “tôi là An tôn kẻ Trinh Hà, tôi chép sách này giúp ông tôi, ông cầu cho tôi cùng được giữ nghĩa cùng đức Chúa Trời cho trọn”⁴. Cả hai thông tin trên đều có sự trùng khít: người chép bản Nôm có tên thánh là An Tôn. Về quê quán của người viết, khảo cứu của Thanh Lãng cung cấp thông tin cho biết đó là một người Thanh Hóa thuộc làng Trung Hà; trong bản Nôm thì chỉ ghi “kẻ Trinh Hà”. Chúng tôi chưa có điều kiện điều tra “làng Trung Hà” của nhóm Thanh Lãng hay “kẻ Trinh Hà” của bản Nôm. Cũng chưa có điều kiện khảo cứu thông tin trong bản Nôm, rằng: “ông tôi” (ông của An Tôn) là ai. Nhưng dầu sao, chúng ta cũng phải khẳng định rằng, người chép bản Nôm này là một người Việt. Về người biên soạn, biên chép *KNLMPS*, tác giả có suy nghĩ sau:

a. Từ các thông tin của các linh mục sử gia viết về cuộc đời truyền giáo của Maiorica, thì

- Ông đã giảng cho giáo dân về kính những lễ mùa Phục sinh.
- Tiếng Việt của Maiorica rất giỏi, ông đã học tiếng Việt 4 năm (tác giả đã giới thiệu ở số 29 ra kỳ trước). Tuy nhiên các linh mục sử gia không cung cấp thông tin về việc ông học chữ Nôm. Có lẽ khả năng chữ Nôm của Maiorica không thể dùng để viết ra toàn bộ văn bản đồ sộ này.

b. Thông tin từ trong văn bản:

Từ **viết**, *Từ điển Tiếng Việt* giải thích “viết chữ ghi ra nội dung muốn nói đã được sắp xếp”. Theo nghĩa như vậy, thì trong trường hợp Maiorica tự tay viết chữ Nôm hoặc ông đọc cho người khác viết đều có thể dùng từ “viết”. Trong khi đó từ **chép** chỉ dùng trong trường hợp “viết lại 1 bản có sẵn” (*Từ điển Tiếng Việt*). Trong bản Nôm ghi “tôi là An tôn kẻ Trinh Hà, tôi chép sách này giúp ông tôi, ông cầu cho tôi cùng được giữ nghĩa cùng đức Chúa Trời cho trọn”, thông tin này cho ta những suy nghĩ:

- Một người Việt có tên thánh là An Tôn.
- An Tôn chép giúp ông (Có thể ông An Tôn là thầy trợ giảng cho Maiorica, nhưng ông viết theo kiểu tốc kí, nên về đã nhờ cháu chép lại cho sạch, đẹp).

³ Thanh Lãng, *Những chặng đường của chữ Quốc ngữ*, Sđd, trg 10-11.

⁴ Gieronimo Maiorica S.J, *Kính những lễ Mùa Phục sinh 經仍礼務服生*, quyển thứ ba, Lưu hành nội bộ, 2/2003

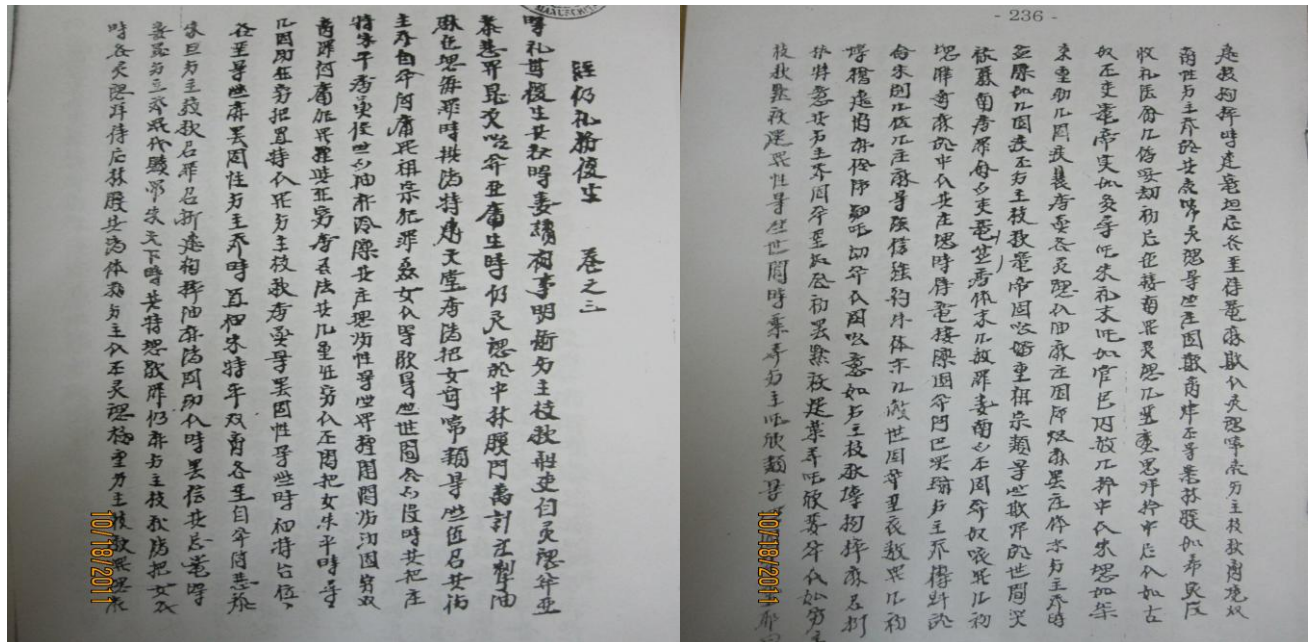
- Ông của An Tôn không phải là Maiorica. Nếu An Tôn trực tiếp nhận chép giúp Maiorica, thì phải nói là “chép giúp Cha” chứ không ghi “chép giúp ông” như trong văn bản đã ghi (Maiorica khi sang Việt Nam truyền đạo không mang theo cháu)

Những suy luận trên có lẽ khác với sự phỏng đoán trong lời giới thiệu sách của nhóm học giả Thanh Lãng, Nguyễn Hưng và Vũ Văn Kính cho rằng: “An Tôn Trinh Hà, ông là chính Maiorica chẳng?”⁵

Qua những lý giải trên, chúng ta có thể khẳng định rằng, tác giả của tác phẩm này chính là cha Maiorica và người chép ra chữ Nôm là người có tên thánh là An Tôn Trinh Hà thuộc làng Hà Trung, Thanh Hóa.

** Chữ Nôm trong KNLMP5*

Nói về giá trị của tác phẩm *KNLMP5*, Nguyễn Văn Trung⁶ nhận xét: “đây là gia tài lớn của Việt Nam về mặt văn học, ngôn ngữ và cả kiến trúc”. Thông qua tác phẩm *KNLMP5* phần nào có thể hiểu hơn đặc điểm cấu tạo chữ Nôm thế kỷ 17, cấu tạo từ và câu trong văn bản, đặc biệt hiểu hơn về văn Nôm của người nước ngoài qua cách diễn đạt câu trong văn bản văn xuôi Công giáo (trước đó, các văn bản Nôm đều do người Việt sáng tác).



Về đặc điểm chữ Nôm trong văn bản, trong bài viết, tác giả bước đầu đưa ra một số nhận xét sơ lược như sau:

⁵ Gieronimo Maiorica S.J, *Kinh những lễ Mùa Phục sinh 經仍禮務服生*, quyển thứ ba, Lưu hành nội bộ, 2/2003.

⁶ Nguyễn Văn Trung (2003), *Nghiên cứu Việt Nam liên bản*, nguồn: <http://www.gio-o.com>.

- Trong tác phẩm *KNLMPS*, các chữ Nôm được sử dụng trong văn bản chủ yếu là dạng chữ Nôm mượn âm đọc thẳng hoặc dạng đọc lệch âm, rất ít các chữ Nôm tự tạo. Đây cũng là đặc điểm chung của chữ Nôm giai đoạn này: trường hợp dùng phụ âm đầu /m/ tiếng Hán để ghi âm phụ âm đầu /b/ tiếng Việt, ví dụ dùng chữ Hán 林膜 *lâm mô* để ghi âm Việt “lâm bô”; trường hợp dùng phụ âm đầu /l/ tiếng Hán để ghi âm /r/ tiếng Việt, ví dụ dùng chữ Hán 批嚕 *phê lô* để ghi âm Việt “phê rô” là những ví dụ cho việc mượn âm đọc lệch.

- Hiện tượng một từ/ tiếng trong tiếng Việt có các cách viết chữ Nôm khác nhau ngay trong một văn bản, của một tác giả, thể hiện sự không nhất quán trong việc sử dụng chữ Hán để ghi âm Nôm cho một từ. Ví dụ tên ông A-Dong được phiên âm La Tinh là *A dung* hay *Á dung*, dẫn đến việc dùng các chữ Nôm khác nhau để ghi: khi ghi *A dung* 阿庸, hoặc ghi *A dung* 阿容 khi lại ghi *Á dung* 亞庸. Tên Chúa Giê-su được phiên ra tiếng La Tinh là *Chi Thu*, trong *KNLMPS* thấy dùng các chữ Nôm khác nhau (các chữ Hán đồng âm) để ghi: *chi thu* 枝秋 và *chi thu* 支秋. Trường hợp cùng một từ, nhưng người chép đã dùng các chữ Hán có âm đọc, hình thể khác nhau để ghi âm. Ví dụ từ “câu rút” người chép lúc dùng *câu luật* (枸律), lúc dùng *câu tốt* (枸掣) để ghi. Ngay như từ “lâm bô” lúc được ghi là *lâm mô* (林膜), lúc được ghi là *lâm bô* (林逋)

Hiện tượng này, liệu có phải do nhu cầu ghi lại nhanh lời cha giảng, nên các thầy Việt đã tùy ý mượn các chữ Hán có âm đọc gần giống để thể hiện. Về vấn đề này, xin được trình bày kĩ ở một dịp khác.

Một đặc điểm nữa, nhiều âm Việt đều dùng chung một chữ Hán để biểu âm. Ví như các âm Việt (các chữ Nôm) lay, lầy, lễ và lại đều dùng chữ Hán 禮 để ghi âm; các âm Việt trông, xuống và trong đều dùng chữ Hán 隆 để ghi âm; các âm Việt ra, là, lạ đều dùng chữ Hán 拉 để ghi âm; các âm Việt ý, ấy và y đều dùng chữ Hán 衣 để ghi âm; các âm Việt nữ, nợ, nó và nữa đều dùng chữ Hán 女 để ghi âm.v.v...

- Các kiểu chữ Nôm sáng tạo trong văn bản chiếm số lượng ít, chỉ có một số chữ như: chữ người □, ngày □, trời □, sống □, trên □, trong □, mẹ媿,... Trong nhóm chữ tự tạo trong văn bản *KNLMPS*, chủ yếu là theo phương thức hình thanh (gồm một bộ phận biểu âm và một bộ phận biểu ý), ít (rất hiếm) dạng chữ hội ý.

3. Về nội dung văn bản *KNLMPS*

Mùa phục sinh là một trong năm mùa của một năm phụng vụ lời Chúa của đạo Công giáo; gồm (mùa Vọng, Giáng sinh, mùa Chay, mùa Phục sinh, mùa thường niên).

Mùa phục sinh là mùa nói về việc Chúa chịu chết sống lại, sự chết đó không đơn thuần là việc chết theo y học quan niệm, rằng “chết” là chấm dứt sự sống. Chết theo ý nghĩa của tín ngưỡng tâm linh, chết là để tạo ra cuộc sống mới.

Toàn bộ nội dung tác phẩm *KNLMPS*, được diễn tả qua các chủ đề bài giảng của từng Chúa nhật, suốt mùa Phục sinh. Ngày Chúa nhật Phục sinh và các ngày tuần tám suy niệm các đoạn tin mừng liên quan đến việc Chúa sống lại. Nói về việc Chúa Giê-su chịu chết, sống lại là để khẳng định Chúa đã chiến thắng sự dữ và giải thoát cho các linh hồn loài người khỏi tội tổ tông truyền. Đồng thời diễn tả niềm vui khôn tả của các linh hồn đã được giải thoát, đặc biệt là niềm vui của đức Mẹ khi thấy con mình sống lại vượt qua sự dữ và cũng là niềm vui của cả nhân loại.

Các Chúa nhật Phục sinh nói về việc Chúa sống lại rồi hiện ra nhiều lần, để củng cố niềm tin cho các đầy tớ của Người bằng nhiều phép lạ và dạy cho các đầy tớ (Tông đồ) đi rao giảng tin mừng về việc Chúa đã sống lại cho muôn dân được biết con đường về trời – con đường cứu rỗi linh hồn đã được mở ra. Ở các Chúa nhật này cũng đã diễn tả về hình ảnh Chúa Giê-su về trời. Chúa Giê-Su về trời là để dọn đường cho anh em cùng về. Về trời, Chúa sai Chúa Thánh Thần xuống ở cùng anh em, (cùng Giáo hội) hướng dẫn Giáo hội (đặc biệt là các đầy tớ của Người) vượt qua những khó khăn trong quá trình rao giảng tin mừng mở rộng nước Chúa. Tin mừng trong *KNLMPS* cũng được mời gọi suy niệm về mầu nhiệm thiên Chúa Ba Ngôi và cuộc đời của Chúa Giê-su khi xuống thế làm người.

Thiên Chúa Ba Ngôi là nói về một Thiên Chúa nhưng có ba ngôi, ngôi nhất là Cha, ngôi hai là Con, ngôi ba là Thánh Thần; ba ngôi này không có ngôi nào hơn, kém ngôi nào, mà ba ngôi cùng một tính một phép nhưng để thực hiện chương trình “cứu độ” Thiên Chúa đã phân thành ngôi Cha, ngôi Con, và Thánh Thần. Sau ngày lễ cả thứ nhất và lễ đức Chúa Phi-Ri-Tô-San-Tô kính đức Chúa Trời Ba Ngôi là các ngày lễ cả từ ngày lễ cả thứ hai cho đến ngày lễ cả thứ hai mươi bốn nói về việc Chúa Giê-Su khi còn sống, người đã giảng dạy cho các tông đồ cùng dân chúng theo người nên ăn ở ngay lành để được hưởng hạnh phúc đời đời trên nước trời. Để giảng dạy toàn bộ nội dung này cho muôn dân, Chúa dùng phép lạ, những dụ ngôn và cả những điển tích, điển cố thời Cựu ước để giải trình. Những nội dung, cùng những điển tích, điển cố, phép lạ, dụ ngôn đã được tác giả Maiorica ghi chép khá tỉ mỉ trong tác phẩm *KNLMPS*.

Qua khảo cứu, và với trong khuôn khổ của bài viết tác giả chỉ dừng lại ở việc giới thiệu sơ lược một vài đặc điểm cơ bản của hình thức văn bản; như thực trạng văn bản, tác giả, người chép và chữ Nôm trong văn bản. Đồng thời giới thiệu một cách tổng quát nội dung trong văn bản mà không đi sâu nghiên cứu về nội dung; cùng những đặc điểm về cấu tạo chữ Nôm, cách dùng từ đặt câu, vấn đề từ cổ, từ ngữ Công giáo, từ phiên âm tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, v.v.... Bài viết huy hợng cung cấp cho độc giả có được cái nhìn thỏa đáng khi tiếp cận với loài hình văn bản học nói chung và văn bản Nôm *Kinh những lễ mùa Phục sinh nói riêng*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Đức Thọ- Trịnh Khắc Mạnh (2006), *Cơ sở văn bản học Hán Nôm*, Nxb khoa học xã hội.
2. Gieronimo Maiorica S.J, 經仍礼務服生 *Kinh những lễ Mùa Phục sinh*, quyển thứ ba, Lưu hành nội bộ, 2/2003.
3. Thanh Lăng, *Những chặng đường của chữ Quốc ngữ*, Sdd, trg 10-11.
4. Nguyễn Thị Tú Mai, *Chữ Nôm và tiếng Việt thế kỉ XVII qua Thiên chúa Thánh giáo khai mông của Jeronimo Maiorica*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, H.2012.
5. George Schurhammer, *Nền văn chương Công giáo về Phanxicô tại Việt Nam*, (bản dịch Việt ngữ của Đỗ Văn Anh và Trương Bửu Lâm,(2006), nguồn: www.dunglac.net
6. Võ Long Tê , *Lịch sử văn học Công giáo Việt Nam*, NXB Tư duy.1965.
7. Nguyễn Văn Trung (2003), *Nghiên cứu Việt Nam liên bản*, nguồn: <http://www.gio-o.com>.